

XÂY DỰNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI TẠI CÁC VƯỜN QUỐC GIA Ở VIỆT NAM – NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG

Ths. Phùng Thị Hằng, PGS.TS. Phạm Hồng Chương

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: hangpt.edu@gmail.com

Trong những năm gần đây du lịch sinh thái (DLST) đang trở thành một loại hình du lịch đặc trưng, được xem như “mốt thời thượng” trên thế giới và luôn duy trì với tốc độ phát triển từ 10 - 30% mỗi năm. Việc thiết kế và tạo ra các sản phẩm DLST nhằm nâng cao sự hài lòng của du khách được dựa trên cơ sở đầu vào là hệ thống các điểm DLST có khả năng hấp dẫn và lôi cuốn khách du lịch. Điều kiện thuận lợi để phát triển sản phẩm DLST là ở các vườn quốc gia (VQG), khu bảo tồn thiên nhiên, các bản làng dân tộc và danh lam thắng cảnh... Trong đó, VQG được xem là nơi có điều kiện lý tưởng nhất để phát triển DLST. Để khai thác phát triển hiệu quả DLST tại các VQG, cần xây dựng các tiêu chí đánh giá điểm DLST nhằm xác định tiềm năng tài nguyên và hiện trạng khai thác DLST ở mỗi VQG. Đây là một trong những hướng nghiên cứu mới có ý nghĩa lớn về mặt lý luận cũng như thực tiễn đối với phát triển du lịch Việt Nam nói chung và hoạt động DLST tại các VQG nói riêng. VQG Cúc Phương là một điển hình về cảnh quan rừng nhiệt đới nguyên sinh còn sót lại trên núi đá vôi. Được thành lập sớm nhất ở Việt Nam¹, VQG Cúc Phương đã trở thành một nơi đến hình thu hút các hoạt động tham quan, giải trí, học tập, nghiên cứu khoa học... của cả du khách trong và ngoài nước. Vì thế, đây sẽ là VQG được chọn làm dẫn chứng tiêu biểu cho việc áp dụng xây dựng các tiêu chí đánh giá điểm DLST tại các VQG ở Việt Nam.

Từ khóa: Điểm du lịch sinh thái, vườn quốc gia, tiêu chí đánh giá, Cúc Phương, vị trí điểm du lịch, sức hấp dẫn, sức chứa, độ bền vững, thời gian khai thác.

1. Đặt vấn đề

Theo Khoản 8 và 19 Điều 4, Chương 1, Luật Du lịch Việt Nam (năm 2005): “Điểm du lịch là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn, phục vụ nhu cầu tham quan của khách du lịch”, và “DLST là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững”. Từ đặc trưng của DLST và kết hợp các khái niệm nói trên có thể hiểu, điểm DLST là nơi tập trung tài nguyên du lịch hấp dẫn nào đó dựa trên tài nguyên tự nhiên và văn hóa bản địa. Sức hấp dẫn của điểm DLST là yếu tố có tính chất tổng hợp và thường được xác định bằng vẻ đẹp của cảnh quan tự nhiên kết hợp với tính đặc sắc và độc đáo của văn hóa bản địa ở những môi trường còn tương đối nguyên sơ, chưa bị hoặc ít bị xâm phạm bởi bàn tay con người. Bởi vậy, điều kiện lý tưởng để phát triển sản phẩm DLST là các VQG, khu bảo tồn thiên

nhiên và các danh lam thắng cảnh, các làng bản dân tộc... Trong đó, DLST ở các VQG đặc biệt phù hợp với đối tượng du khách có xu hướng “xem, hưởng thụ, đóng góp, nhưng không gây hại”. Việc phát triển DLST tại các VQG đòi hỏi một số tiêu chuẩn quy định về mức sức hấp dẫn của tài nguyên; cơ sở vật chất kỹ thuật (CSVCKT), cơ sở hạ tầng (CSHT); khả năng phục vụ du khách... và yêu cầu về giáo dục môi trường cùng những đóng góp cho môi trường và người dân địa phương từ hoạt động du lịch.

2. Lược sử nghiên cứu, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu

Đây là lĩnh vực nghiên cứu đang nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu về DLST trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Trên thế giới đã có những công trình khoa học và các bài viết về việc đưa ra các tiêu chí để đánh giá việc phát triển các

điểm DLST, một số trong số đó là: i) Zheng Yunwen et al (1994), *Study on ecological evaluation criteria and standards for nature reserves in China* (1994). Đề tài nghiên cứu các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá giá trị sinh thái cho các khu bảo tồn thiên nhiên ở Trung Quốc. Nghiên cứu đưa ra các tiêu chí chọn lọc những yếu tố tự nhiên nhạy cảm dễ bị tác động bởi sự can thiệp của bàn tay con người làm căn cứ để đánh giá định lượng các hệ sinh thái tự nhiên ở các khu bảo tồn thiên nhiên; ii) The chairman of the Romanian Eco-Tourism Association (2/2012), *Romania - first Europe country having evaluation criteria for eco-tourism destinations*. Bài viết đề cập đến các tiêu chí một điểm đến DLST cần đem đến hình ảnh của loại hình du lịch xanh, được sự hỗ trợ của các dịch vụ du lịch, có hệ thống xử lý rác thải và CSHT tốt; iii) Kelly McCusker and Jennifer Aldrich (2011) *Evaluating Ecotourism in New Hampshire*. Đề tài đề cập đến sự cần thiết của “một bộ công cụ” cho các doanh nghiệp đánh giá quy mô và chất lượng phát triển DLST thông qua việc cải thiện chất lượng nơi lưu trú, dịch vụ của nơi đến, giáo dục công chúng về chất lượng các cơ sở DLST ở New Hampshire. Ở Việt Nam đã có công trình “Nghiên cứu đề xuất tiêu chí khu du lịch sinh thái ở Việt Nam” của TS. Đỗ Thị Thanh Hoa (2007). Đề tài đã đưa ra khung một số tiêu chí khu du lịch sinh thái ở Việt Nam gồm: Nhóm các tiêu chí về tài nguyên; nhóm các tiêu chí về quy mô, quy hoạch và kiến trúc cảnh quan; nhóm tiêu chí về kết cấu hạ tầng- kỹ thuật du lịch; nhóm các tiêu chí về bảo vệ môi trường; nhóm tiêu chí về tổ chức quản lý và tham gia cộng đồng. Tháng 12/2012, Tổng cục Du lịch cũng đã tổ chức Hội thảo “Xác định tiêu chí, thủ tục công nhận và đánh giá điểm DLST” và “Hoàn thiện nội dung sổ tay hướng dẫn DLST ở Việt Nam”. Các hội thảo tập trung thảo luận các hệ thống tiêu chí công nhận một điểm DLST; quy trình thẩm định, công nhận và đánh giá một điểm DLST; nội dung sổ tay hướng dẫn DLST ở Việt Nam. Như vậy, việc xây dựng tiêu chí đánh giá điểm DLST không phải là vấn đề mới nhưng phần lớn các đề tài và bài viết chưa được đánh giá một cách cụ thể, rõ ràng và chặt chẽ; việc phân chia các tiêu chí còn dàn trải mà chưa tập trung vào hai vấn đề “cốt lõi” cần đánh giá một điểm DLST là: đánh giá giá trị tài nguyên (tức là những giá trị của tự nhiên hoặc nhân tạo có thể thỏa mãn được nhu cầu của du khách) và hiện trạng phát triển (tức tình trạng và mức độ khai thác các điều

kiện để quản lý, phát triển DLST, đảm bảo việc tuân thủ các nguyên tắc và yêu cầu phát triển loại hình du lịch này). Mặt khác, việc xây dựng các tiêu chí đánh giá điểm DLST cụ thể tại các VQG- địa bàn lý tưởng nhất với những đặc thù riêng để phát triển DLST là vấn đề chưa được đi sâu nghiên cứu.

Với mục tiêu, góp phần xây dựng hệ thống các tiêu chí quy định nhằm quản lý và phát triển DLST có hiệu quả bền vững cả ba mặt kinh tế, xã hội và môi trường; đồng thời, làm cơ sở cho việc đánh tiềm năng, hiện trạng để đầu tư và định hướng phát triển DLST cụ thể ở các VQG ở Việt Nam; việc xây dựng các tiêu chí đánh giá điểm DLST tại các VQG một việc làm cấp thiết, hữu ích cho các nhà quản lý, điều hành kinh doanh du lịch, góp phần hoàn thiện sản phẩm DLST tại các địa bàn có điều kiện “lý tưởng” để phát triển DLST ở Việt Nam.

Trong bài viết này, tác giả sẽ đề xuất phân loại thành hai nhóm tiêu chí đánh giá điểm DLST: Nhóm các tiêu chí đánh giá về tiềm năng phát triển tại một điểm DLST bao gồm các nhân tố: vị trí, sức hấp dẫn (giá trị về tài nguyên tự nhiên và nhân văn), sức chứa, độ bền vững và thời gian khai thác. Nhóm các tiêu chí đánh giá về hiện trạng khai thác bao gồm: CSVCKT, CSHT, mức độ quản lý và hiệu quả kinh tế. Những tiêu chí này làm căn cứ để xác định mức độ thuận lợi/không thuận lợi tiềm năng và mức độ tốt/không tốt về thực trạng phát triển DLST ở các VQG; làm căn cứ tham khảo để các nhà kinh doanh, quản lý và điều hành du lịch xem xét giữa tiềm năng và hiện trạng phát triển có tương xứng không; từ đó đề xuất giải pháp khai thác phù hợp.

Để thực hiện nghiên cứu, tác giả tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển sản phẩm DLST, việc xây dựng các tiêu chí đánh giá điểm DLST dựa trên đặc trưng, yêu cầu và nguyên tắc phát triển riêng; phân tích những ưu điểm, hạn chế và “khoảng trống” trong việc phân loại đánh giá thành hai nhóm tiêu chí về mặt tiềm năng, hiện trạng cụ thể tại các VQG ở Việt Nam. Hiện nay, Việt Nam có 30 VQG với một số HST điển hình như: HST rừng á nhiệt đới, rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, rừng trên núi đá vôi, rừng trên đảo, rừng khô, rừng khộp, rừng chuyển tiếp, rừng ngập mặn, rừng ngập nước... Các HST này hầu như đang được bảo vệ nguyên trạng, là tiền đề thuận lợi để tổ chức các hoạt động du lịch tham quan nghiên cứu và DLST. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của bài viết chỉ tập trung nghiên cứu khảo sát thực tế tại VQG Cúc Phương - trường

hợp thí điểm áp dụng nghiên cứu. Các hoạt động khảo sát bao gồm hoạt động thu thập số liệu thống kê từ Ban quản lý VQG và khảo sát lấy ý kiến đánh giá từ các nhà kinh doanh, hướng dẫn viên, các nhóm nhỏ đi du lịch.

3. Xây dựng hệ thống tiêu chí và phương pháp đánh giá điểm DLST gắn với VQG

3.1. Các tiêu chí đánh giá điểm DLST tại các VQG ở Việt Nam

3.1.1. Các tiêu chí đánh giá giá trị tài nguyên của điểm DLST tại các VQG ở Việt Nam

a) Vị trí của điểm DLST

Theo August Losch, có hai yếu tố quyết định vị trí của không gian kinh tế, đó là: sự tập trung về không gian của các vấn đề kinh tế và chi phí vận chuyển. Đối với các hoạt động DLST tại các VQG, yếu tố quyết định của điều kiện vị trí là điểm DLST nằm trong khu vực phát triển các hoạt động du lịch và khoảng cách từ điểm DLST đến các nguồn gửi khách không lớn hoặc thuận tiện đi lại. Nguồn gửi khách thông thường được xác định đối với khách trong nước là trung tâm của của mỗi vùng du lịch, đối với khách quốc tế chính là trung tâm du lịch của mỗi quốc gia, hệ thống các điểm dừng chân như cửa khẩu, cảng hàng không, cảng biển. Bởi vì, đây là các “cực” để thu hút khách nước ngoài đến và từ các vùng khác di chuyển sang lãnh thổ lân cận vào phạm vi tác động của một quốc gia, một vùng. Vị trí được đánh giá thông qua khoảng cách, thời gian đi đường hoặc các loại phương tiện giao thông có thể sử dụng đến điểm DLST. Khoảng cách giữa điểm DLST tại các VQG ở Việt Nam và nơi gửi nguồn khách được tính bằng km và được đánh giá theo các chỉ tiêu như bảng 1.

b) Sức hấp dẫn của điểm DLST

Xuất phát từ khái niệm DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững, khai thác tài nguyên cho mục đích kinh doanh du lịch trên cơ sở cân bằng được lợi ích về kinh tế, xã hội và đặc biệt là môi trường. Sức hấp dẫn của điểm DLST tại các VQG ở Việt Nam phải dựa trên những tài nguyên còn tương đối nguyên sơ, chưa từng bị con người can thiệp hoặc thay đổi và kết hợp với giá trị văn hoá bản địa như các di tích kiến trúc, các giá trị văn hoá tồn tại dưới dạng vật thể và phi vật thể được tạo ra bởi chính điều kiện tự nhiên và lịch sử phát triển của nơi đến du lịch. Sức hấp dẫn khách du lịch của điểm DLST là yếu tố có tính chất tổng hợp và thường được xác định bằng vẻ đẹp của cảnh quan, sự đa dạng của HST, đảm bảo tính đa dạng sinh học, tính đặc sắc và độc đáo của nền văn hóa bản địa; đồng thời phải có giá trị thẩm mỹ thu hút khách du lịch đến với thiên nhiên. Sức hấp dẫn của điểm DLST được đánh giá dựa trên các chỉ tiêu như bảng 2.

Mức độ đánh giá từ 1- ít hấp dẫn tới mức độ 5 - rất hấp dẫn (lấy trọng số = 1 cho mỗi chỉ tiêu đánh giá). Từ đó, mức sức hấp dẫn của mỗi điểm DLST ứng với số điểm tổng hợp như sau: 60 – 75 điểm: *rất hấp dẫn*, từ 45 đến 59: *khá hấp dẫn*, từ 30 – 44: *hấp dẫn trung bình*, từ 15 – 29: *ít hấp dẫn*.

c) Thời gian hoạt động du lịch

Thời gian hoạt động DLST quyết định tính chất thường xuyên hay mùa vụ của hoạt động DLST; có liên quan trực tiếp đến hướng khai thác, đầu tư, kinh doanh phục vụ tại điểm DLST. Thời gian hoạt động DLST chia thành 4 cấp như bảng 3.

d) Sức chứa khách du lịch

Sức chứa tại điểm DLST là lượng khách tối đa có

Bảng 1: Chỉ tiêu đánh giá vị trí của điểm DLS

(lấy trung tâm vùng du lịch hoặc điểm dừng chân của khách hàng quốc tế làm điểm xuất phát)

Vị trí so với trung tâm vùng du lịch /điểm dừng chân	Đối tượng du khách	Khoảng cách (km)	Thời gian đi đường (giờ)
Rất gần	Khách nội địa	10 – 100	≤ 2
	<i>Khách quốc tế</i>	< 200	≤ 3
Khá gần	Khách nội địa	101 – 200	2 – 3
	<i>Khách quốc tế</i>	201 - 500	3 – 6
Trung bình	Khách nội địa	201 – 500	3 – 6
	<i>Khách quốc tế</i>	501 - 1000	6 - 12
Xa	Khách nội địa	> 500	> 6
	<i>Khách quốc tế</i>	> 1000	> 12

Bảng 2: Chỉ tiêu đánh giá sức hấp dẫn của điểm DLST

TT	Các chỉ tiêu đánh giá sức hấp dẫn	Mức sức hấp dẫn (Ít 1 -> Rất hấp dẫn 5)					
		1	2	3	4	5	
1	<i>Dựa trên giá trị tài nguyên tự nhiên</i>	Hệ sinh thái điển hình, giá trị đa dạng sinh học cao					
2		Hệ thực vật phong phú, độc đáo					
3		Hệ động vật đa dạng, quý hiếm					
4		Các loài đặc hữu, loài được ghi trong sách Đỏ					
5		Khả năng quan sát, chụp ảnh đời sống hoang dã của động thực vật					
6		Hiện tượng địa chất có giá trị đặc biệt: hang động karst, núi đá vôi, cánh đồng đá, sa mạc, cồn cát...					
7		Sông hồ, suối thác, nguồn nước khoáng nóng					
8		Vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên tương đối hoang sơ: rừng cổ kính, cây lớn lâu năm, bãi tắm tự nhiên...					
9	<i>Dựa trên giá trị tài nguyên văn</i>	Các di tích văn hóa lịch sử, di sản văn hóa (nếu có)					
10		Tập tục, tín ngưỡng, tập quán của các dân tộc					
11		Nét đặc sắc lễ hội của các dân tộc					
12		Nét độc đáo của làng nghề truyền thống					
13		Nghệ thuật kiến trúc của các dân tộc					
14		Văn hóa dân gian độc đáo					
15	Đặc trưng riêng về sản vật văn hóa ẩm thực						
Tổng điểm đánh giá sức hấp dẫn của điểm DLST							
<i>Rất hấp dẫn</i>		<i>Khá hấp dẫn</i>		<i>Hấp dẫn trung bình</i>		<i>Ít hấp dẫn</i>	
60 – 75		45 – 59		30 – 44		15 – 29	

Bảng 3: Chỉ tiêu đánh giá mức độ thời gian hoạt động của điểm DLST

Mức độ thời gian hoạt động du lịch (ngày)	Rất dài	Khá dài	Trung bình	Ngắn
Thời gian có thể triển khai tốt các hoạt động DLST với nhiệt độ trung bình 24 – 27°C, biên độ nhiệt <3, lượng mưa 100 – 180mm/tháng.	≥ 180	120-179	60 – 119	< 60

thể đón đến điểm DLST tại các VQG trong cùng một thời điểm mà chưa gây ra những tổn hại đến môi trường và quyền lợi của du khách. Mỗi điểm DLST có các điều kiện liên quan về đặc điểm địa hình, khí hậu, mức độ quản lý... khác nhau. Vì thế, không có những tiêu chuẩn cụ thể về sức chứa DLST; chúng cần được nghiên cứu, tính toán phù hợp với điều kiện thực tế. Để đảm bảo mục tiêu quản lý nhằm hạn chế lượng khách dưới mức cho phép, cấp độ về chỉ tiêu sức chứa khách của điểm DLST như bảng 4.

e) Độ bền vững

DLST là một loại hình du lịch có vai trò chính trong việc thực hiện quan điểm phát triển du lịch bền vững, đặc biệt tại các VQG – nơi có chức năng bảo tồn và duy trì trong tình trạng tự nhiên các hệ sinh thái đặc trưng, đại diện, các quần xã sinh vật,

các loài, nguồn gen; các đặc tính địa mạo, giá trị tinh thần và thẩm mỹ². Độ bền vững của DLST tại các VQG vì thế được xem là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá điểm DLST. Tiêu chí này phản ánh khả năng bền vững của các thành phần hoặc các yếu tố cảnh quan tự nhiên, các nét đặc sắc của văn hóa bản địa trước áp lực của hoạt động DLST. Độ bền vững của điểm DLST được đánh giá thông qua các chỉ tiêu như bảng 5.

Mức độ đánh giá từ 1- kém bền vững tới mức độ 5 - rất bền vững (lấy trọng số = 1 cho mỗi chỉ tiêu đánh giá). Từ đó, mức sức hấp dẫn của mỗi điểm DLST ứng với số điểm tổng hợp như sau: 52 – 65 điểm: *rất bền vững*, từ 39 đến 51: *khá bền vững*, từ 26 – 38: *bền vững trung bình*, từ 13 – 25: *ít hấp dẫn*.

3.1.2. Các tiêu chí đánh giá hiện trạng hoạt động của điểm DLST tại các VQG

Bảng 4: Chỉ tiêu đánh giá sức chứa khách du lịch của điểm DLST

Sức chứa	Rất lớn	Khá lớn	Trung bình	Nhỏ
Có khả năng tiếp nhận người/ngày	≥ 1.000	500 - 1.000	100 – 500	< 100
Có khả năng tiếp nhận người/ lượt	150 - >200	100 – 150	50 – 100	< 50

Bảng 5: Chỉ tiêu đánh giá độ bền vững của điểm DLST

Stt	Các chỉ tiêu đánh giá độ bền vững		Độ bền vững (Kém 1-> Rất bền vững 5)				
			1	2	3	4	5
1	Mức độ bền vững về tự nhiên	Tác động đến môi trường tự nhiên: cấu trúc địa mạo, nguồn nước, đất đai, không khí, tiếng ồn... trong giới hạn cho phép.					
2		Khai thác giá trị tài nguyên tự nhiên: rừng, nguồn động, thực vật, khoáng sản... theo đúng quy định.					
3		Tác động không làm thay đổi thói quen và quy mô số lượng, chất lượng nguồn gen các loài quý hiếm.					
4		Tuân thủ quy định bảo vệ đa dạng sinh học; chỉ tham gia các hình thức du lịch được cho phép tại khu DLST.					
5		Tôn trọng môi trường bằng cách xả rác vào thùng tái chế, không gây tổn hại đến sinh vật tự nhiên, không lấy các đồ vật từ thiên nhiên mang về nhà.					
6		Cách thức tăng hiệu quả kinh tế đáp ứng cân bằng hệ sinh thái dựa trên marketing định hướng cung.					
7	Mức độ bền vững về xã hội	Có sự quản lý và đảm cân bằng các lợi ích giữa phát triển DLST với người dân địa phương.					
8		Tôn trọng và bảo vệ nền văn hóa địa phương, không cố gắng làm thay đổi giá trị văn hóa bản địa.					
9		Tác động tích cực đến thái độ, trách nhiệm và hành vi của du khách; nâng cao ý thức của người dân đối với công tác bảo tồn và giữ gìn giá trị truyền thống.					
10		Sử dụng nguồn nguyên liệu phục vụ nhu cầu cho du khách từ nguồn lương thực thực phẩm có nguồn gốc hữu cơ tại địa phương.					
11							
12		Khuyến khích thay đổi nhu cầu ăn uống phù hợp với lợi ích môi trường Few hotels or restaurants pay much heed to environmental concerns.					
13		Thiết lập quỹ hỗ trợ cộng đồng địa phương xây dựng các công trình phúc lợi công cộng.					
Tổng điểm đánh giá độ bền vững của điểm DLST							
Rất bền vững		Khá bền vững	Bền vững trung bình		Ít bền vững		
52 – 65		39 – 51	26 – 38		13 – 25		

a) CSHT và CSVCKT

Hoạt động DLST tại các VQG chỉ có thể khai thác tốt tiềm năng khi đầu tư xây dựng CSHT - CSVCKT tính đến yếu tố hài hòa với môi trường và không làm phá vỡ cảnh quan tự nhiên của nơi đến. Các bậc đánh giá tiêu chí CSHT – CSVCKT phục vụ DLST tại các VQG thể hiện qua bảng 6.

Mức độ đánh giá từ 1- CSHT và CSVCKT không tốt tới mức độ 5 - CSHT và CSVCKT rất tốt (lấy trọng số = 1 cho mỗi chỉ tiêu đánh giá). Từ đó, CSHT và CSVCKT của mỗi điểm DLST ứng với số điểm tổng hợp như sau: 36– 45 điểm: CSHT và CSVCKT rất tốt, từ 27 đến 35: CSHT và CSVCKT khá tốt, từ 18 – 26: CSHT và CSVCKT trung bình, từ 9 – 17: CSHT và CSVCKT không tốt.

b) Hiệu quả kinh tế

Để xác định hiệu quả kinh tế của mỗi điểm DLST cần phải đưa ra những tiêu chuẩn định lượng hoá về mặt kinh tế - tức giá trị kinh tế mà nhà kinh doanh DLST nhận được. Các tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả kinh tế của điểm DLST có thể xếp thành hai nhóm cơ bản sau:

* Căn cứ vào số lượng khách đến hàng năm tại những địa điểm du lịch bao gồm tổng lượng khách và khách quốc tế.

* Những tiêu chuẩn quyết định khả năng sinh lợi đối với những giá trị hiện hành hàng năm, dựa vào lợi nhuận thu được hàng năm tại nơi kinh doanh du lịch.

+ Lợi nhuận = Tổng doanh thu - Tổng chi phí (Bt - Ct)

Bảng 6: Chỉ tiêu đánh giá CSHT và CSVCKT của điểm DLST

Stt	Các chỉ tiêu đánh giá CSHT và CSVCKT	Mức độ (Không tốt 1-> Rất tốt 5)				
		1	2	3	4	5
1	Đầu tư và sử dụng các cơ sở lưu trú sinh thái chuyên dụng không làm phá vỡ cảnh quan: khách sạn “xanh”, nhà sàn, bungalow, nhà dài, lều trại...					
2	Sử dụng hệ thống đường mòn sinh thái, biển báo phạm vi hoạt động du lịch và các đường ống dẫn tham quan...					
3	Công trình phục vụ vui chơi giải trí với các dịch vụ nghỉ dưỡng xuất phát từ thiên nhiên					
4	Sử dụng các nguồn năng lượng thay thế để cung cấp năng lượng: năng lượng mặt trời, gió, năng lượng sinh học...					
5	Sử dụng các phương tiện, thiết bị tiết kiệm năng lượng: xe đạp, xe điện, xe hybrid, bóng đèn huỳnh quang...					
6	CSVCKT phục vụ du khách và hoạt động DLST được sản xuất từ các nguồn nguyên liệu tái chế và thân thiện với môi trường.					
7	Bố trí hợp lý các quầy bán hàng của người dân địa phương trong khu DLST.					
8	Các phương tiện, thiết bị giáo dục môi trường: máy chiếu, video, sách, báo, bản đồ					
9	Các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng CSHT và CSKT					
Tổng điểm đánh giá CSHT và CSVCKT của điểm DLST						
	Rất tốt	Khá tốt	Trung bình	Không tốt		
	36 – 45	27 – 35	18 – 26	9 – 17		

$$+ \text{Ti số lợi nhuận} = \frac{\text{Tổng doanh thu}}{\text{Tổng lợi nhuận}} = \frac{\text{Bt}}{\text{Ct}}$$

Dựa vào hai nhóm tiêu chuẩn, căn cứ vào từng đơn vị lãnh thổ du lịch cụ thể, có thể đưa ra 4 mức độ về hiệu quả kinh tế của hoạt động DLST như bảng 7.

c) Hiệu quả quản lý các hoạt động DLST

Tiêu chí quản lý các hoạt động DLST cho biết khả năng quản lý những vấn đề liên quan đến hoạt động du lịch ở các điểm DLST. Tiêu chí này có các

mức độ từ 1 - *quản lý không tốt* đến 5 - *quản lý rất tốt* các hoạt động DLST, thể hiện qua bảng 8.

Mức độ đánh giá từ 1- *Hiệu quả quản lý kém* tới mức độ 5 - *Hiệu quả quản lý rất tốt* (lấy trọng số = 1 cho mỗi chỉ tiêu đánh giá). Hiệu quả quản lý của mỗi điểm DLST ứng với số điểm tổng hợp như sau: 44 – 55 điểm: *Hiệu quả quản lý rất tốt*, từ 33 đến 43: *Hiệu quả quản lý khá tốt*, từ 22 – 32: *Hiệu quả quản lý trung bình*, từ 11 – 21: *Hiệu quả quản lý kém*.

Hệ thống tiêu chí trên là những căn cứ cơ bản để tính toán và đánh giá các điểm DLST. Tổng điểm đánh giá của mỗi tiêu chí đều có điểm chung là được chia thành bốn cấp độ (từ 01 – xa/ít hấp dẫn/thời gian

Bảng 7: Hiệu quả kinh tế của hoạt động DLST

Hiệu quả kinh tế	Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp
Lượng khách	Tổng số lượt khách rất lớn, khoảng 100.000 lượt khách/năm. Lượng khách du lịch quốc tế khá lớn.	Tổng số lượt khách trong năm lớn, khoảng 10.000 - 90.000 lượt khách/năm. Có lượng khách quốc tế đáng kể đến tham quan.	Tổng số lượt khách trung bình, < 10.000 lượt khách/năm. Có thể có hoặc không có khách du lịch quốc tế.	Tổng số lượt khách thấp, < 5.000 lượt khách/năm. Không có khách du lịch quốc tế.
Lợi nhuận	Tổng lợi nhuận đạt ở mức cao. Ti số lợi nhuận > 1,5	Tổng lợi nhuận đạt ở mức cao. Ti số lợi nhuận 1 < t < 1,5	Tổng lợi nhuận hàng năm đạt mức trung bình. Ti số lợi nhuận bằng 1.	Tổng lợi nhuận hàng năm thấp. Ti số lợi nhuận có thể nhỏ hơn 1.

Bảng 8: Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý các hoạt động du lịch của điểm DLST

Stt	Các chỉ tiêu đánh hiệu quả quản lý	Mức độ quản lý (Không tốt 1-> Rất tốt 5)				
		1	2	3	4	5
1	Phạm vi hoạt động đa chức năng của Ban quản lý DLST (kinh doanh DLST/tôn tạo tài nguyên/bảo vệ môi trường...)					
2	Mức độ xây dựng các quy hoạch, đề án phát triển DLST					
3	Đầu tư, triển khai các dự án phát triển DLST gắn với giáo dục, bảo vệ môi trường, hỗ trợ cho người dân địa phương.					
4	Mức độ đặt giới hạn đối với số lượng khách/tour phù hợp với sức chứa của điểm DLST					
5	Xây dựng khung pháp lý (quy định, chế tài, phí phạt, giấy phép) và hệ thống kiểm soát (nhân viên, camera...) các tác động của du khách, người điều hành du lịch tới môi trường.					
6	Phân vùng các khu vực chức năng riêng đối với đối tượng du khách, hạ tầng kỹ thuật và khu vực phục vụ du khách.					
7	Thành lập và xúc tiến hoạt động của các tổ chức, hiệp hội DLST... nhằm phối hợp bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống cho người dân bản địa.					
8	Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục bảo vệ môi trường gắn với DLST đối với cán bộ nhân viên, khách du lịch và người dân địa phương.					
9	Vận dụng linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả kinh nghiệm; tăng cường hội nhập khu vực và quốc tế trong lĩnh vực DLST.					
10	Bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao trình độ năng lực quản lý và tác nghiệp của đội ngũ cơ quan điều khiển và cán bộ phục vụ.					
11	Kiểm soát và đánh giá mức độ hiệu quả quản lý: thiết lập tiêu chuẩn, định kỳ đánh giá, mời các chuyên gia hoạt động vì môi trường tham gia đánh giá.					
Tổng điểm hiệu quả quản lý điểm DLST						
<i>Rất tốt</i>		<i>Khá tốt</i>		<i>Trung bình</i>		<i>Kém</i>
44 – 55		33 – 43		22 – 32		11 – 21

khai thác ngắn/sức chứa nhỏ/không bền vững/CSHT và CSVCKT không tốt/hiệu quả kinh tế thấp/hiệu quả quản lý không tốt -> đến 05- rất gần/hấp dẫn/dài/lớn/bền vững/tốt/cao/tốt). Tùy vào điều kiện lãnh thổ và hiện trạng khai thác hoạt động DLST mà có thể vận dụng chọn lựa các tiêu chí đánh giá điểm du lịch và đề xuất hướng khai thác khác nhau. Đối với những điểm DLST có khả năng khai thác > hiện trạng khai thác hướng giải pháp chủ yếu là quy hoạch, quản lý và đưa ra các chiến lược phát triển hợp lý; đối với những điểm hiện trạng khai thác > khả năng khai thác, đòi hỏi phải chú trọng đến việc thực hiện các chính sách bảo vệ tránh làm tổn hại đến môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa.

3.2. Phương pháp đánh giá các điểm DLST tại các VQG ở Việt Nam

Việc xây dựng các điểm du lịch nói chung và các điểm DLST nói riêng có nhiều tiêu chí với vai trò và ý nghĩa khác nhau. Dựa vào tầm quan trọng của các chỉ tiêu để có hệ số và mức điểm thích hợp. Những chỉ tiêu rất quan trọng có hệ số 3 và thang điểm là: 12, 9, 6, 3. Những chỉ tiêu quan trọng có hệ số 2 và thang điểm là: 8, 6, 4, 2. Những chỉ tiêu có ý nghĩa có hệ số 1 và thang điểm là: 4, 3, 2, 1.

- Căn cứ đặc trưng và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của DLST, có thể xác định hệ số tương

ứng với các tiêu chí đánh giá giá trị tài nguyên của điểm DLST như sau:

+ Những chỉ tiêu rất quan trọng có hệ số 3 bao gồm: sức hấp dẫn (yếu tố quan trọng nhằm thu hút và lôi cuốn du khách vào các hoạt động DLST), sức chứa (tuân thủ theo nguyên tắc và yêu cầu đặc trưng của DLST nhằm đảm bảo khả năng về số lượng người tại điểm DLST mà không gây tổn hại đến môi trường sinh thái).

+ Những chỉ tiêu quan trọng có hệ số 2 bao gồm: vị trí (tác động đến tâm lý và mức độ lựa chọn điểm đến của du khách) và độ bền vững (thúc đẩy mục tiêu cân bằng lợi ích giữa nhu cầu hiện tại và tương lai trong việc thỏa mãn nhu cầu của du khách).

+ Chỉ tiêu được xác định có ý nghĩa với hệ số 1 là: thời gian hoạt động (các giá trị tài nguyên DLST ít chịu tác động hơn so với các loại hình du lịch khác về các biến đổi thời tiết hoặc đặc thù về thời gian khai thác như du lịch biển, tham quan lễ hội...).

- Tương tự, hệ số tương ứng với các tiêu chí đánh giá hiện trạng khai thác của điểm DLST như sau:

+ Chỉ tiêu rất quan trọng có hệ số 3 là CSHT, CSVCKT phục vụ hoạt động DLST (quyết định mức độ khai thác tiềm năng du lịch và thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch dựa trên hệ thống CSHT và CSVCKT đặc trưng của DLST).

Bảng 9: Điểm đánh giá tổng hợp các tiêu chí xây dựng điểm DLST tại các VQG

TT	Tiêu chí	Thang bậc				Hệ số
		TL	Khá TL	Tr. bình	Kém TL	
<i>Tiêu chí đánh giá giá trị tài nguyên của điểm DLST</i>						
1.	Sức hấp dẫn (H)	12	9	6	3	3
2.	Sức chứa (S)	12	9	6	3	3
3.	Vị trí (V)	8	6	4	2	2
4.	Độ bền vững (B)	8	6	4	2	2
5.	Thời gian hoạt động (T)	4	3	2	1	1
Điểm tổng hợp (X)		108	81	54	27	
<i>Tiêu chí đánh giá hiện trạng khai thác của điểm DLST</i>						
1	CSVCKT – CSHT (C)	12	9	6	3	3
2.	Quản lý hoạt động du lịch (Q)	8	6	4	2	2
3.	Hiệu quả kinh tế (K)	4	3	2	1	1
Điểm tổng hợp (Y)		56	42	28	14	

+ Những chỉ tiêu quan trọng có hệ số 2 bao gồm: Hiệu quả quản lý hoạt động du lịch. Đây là yếu tố khá quan trọng để phát triển DLST đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững.

+ Chỉ tiêu được xác định có ý nghĩa với hệ số 1 là: Hiệu quả kinh tế vì đây không phải là lợi ích đặt lên hàng đầu đối với mục tiêu phát triển DLST.

- Nếu gọi số điểm tổng hợp các chỉ tiêu đánh giá giá trị tài nguyên của điểm DLST là X, Sức hấp dẫn: H, Vị trí: V; Sức chứa: S; Độ bền vững: B; Thời gian hoạt động: T. Ta có biểu thức: $X = 3(H + S) + 2(V + B) + T$.

- Nếu gọi số điểm tổng hợp các chỉ tiêu đánh giá hiện trạng khai thác của điểm DLST là Y, CSVCKT - CSHT là C, Quản lý hoạt động du lịch là Q, Hiệu quả Kinh tế là K. Ta có biểu thức: $Y = 3C + 2Q + K$

Khi đó điểm đánh giá tổng hợp các chỉ tiêu theo 4 mức độ và hệ số của các điểm du lịch thể hiện như bảng 9.

Số điểm tổng hợp trên xác định mức độ thuận lợi các điểm DLST ở các VQG như bảng 10.

4. Đánh giá điểm DLST VQG Cúc Phương

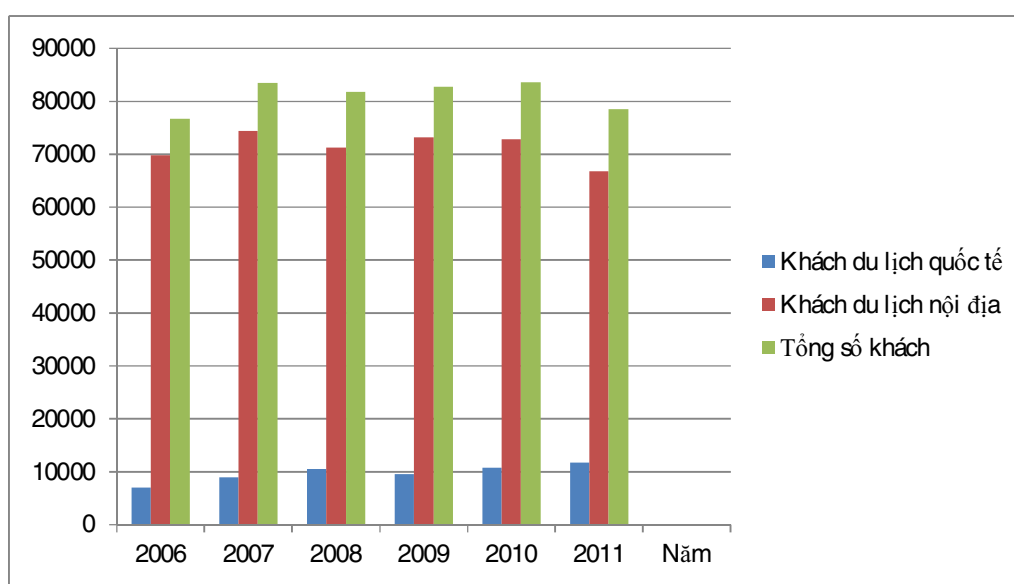
Cách thủ đô Hà Nội – trung tâm du lịch của vùng Đồng bằng sông Hồng 120 km về phía nam Cúc Phương (thuộc địa bàn 3 tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa, Hòa Bình) có tổng diện tích là 22.200 ha. Với nhiều giá trị về cảnh quan thiên nhiên, sự đa dạng về

hệ sinh thái, các giá trị văn hoá, lịch sử nên từ lâu Cúc Phương đã trở thành điểm DLST nổi tiếng và hấp dẫn. VQG có nhiều cây đại thụ đã sống vài trăm đến hàng ngàn năm. Đây còn là nơi sinh sống của hàng trăm loài động vật hoang dã, hàng ngàn loài côn trùng. Các loài động vật đặc hữu quý hiếm như Vọc Mông Trắng, Hươu sao, Gà Lôi... Từ xa xưa, Cúc Phương là nơi cư trú và sinh sống của cộng đồng người Mường với những nét văn hoá độc đáo và đặc trưng, đó là những nếp nhà sàn, ruộng bậc thang, những cối giã gạo nung, những khung dệt thổ cẩm... Những giá trị đặc sắc về tài nguyên DLST ở Cúc Phương đang được khai thác các hoạt động như: xem động vật hoang dã ban đêm, xem chim, đi bộ trong rừng, đạp xe trong rừng, bơi thuyền kayak, chương trình văn nghệ dân tộc... Về sức chứa, VQG Cúc Phương có thể đáp ứng tới 2.202 khách/lượt; 11.010 khách/ngày. Với nhiệt độ 24,7°C/năm, lượng mưa: 1700- 2200 mm/năm; ngoài 3 tháng mưa lũ (tháng 8 – 10), còn lại tất cả những ngày tháng trong năm đều thuận lợi cho du lịch. VQG cũng đã thành lập các câu lạc bộ bảo tồn tại trường học, đưa nội dung giáo dục bảo vệ môi trường vào chương trình học tập chính khoá, triển khai chương trình thôn bản tại các cộng đồng dân cư và chương trình giáo dục du khách cho khách du lịch ở Cúc Phương, thường xuyên tổ chức tour DLST tới bản Khanh (người Mường) góp phần cải thiện chất lượng đời sống cho người dân bản địa.

Bảng 10: Mức độ đánh giá các điểm DLST

TT	Mức độ đánh giá	Số điểm	
		Giá trị tài nguyên DLST	Hiện trạng khai thác DLST
1.	Rất thuận lợi/rất tốt	81- 108	43 – 56
2.	Khá thuận lợi/khá tốt	54 – 80	29 – 42
3.	Trung bình	27 – 53	14 – 28
4.	Kém thuận lợi	< 27	< 14

Hình 1: Lượng khách và doanh thu đến VQG Cúc Phương (2006 – 2011)



(Nguồn: Trung tâm Du khách- VQG Cúc Phương)

Bảng 11: Kết quả tổng hợp các tiêu chí đánh giá giá trị tài nguyên và hiện trạng phát triển của các điểm DLST VQG Cúc Phương

Đánh giá giá trị tài nguyên của điểm DLST VQG Cúc Phương						
Sức hấp dẫn	Sức chứa	Vị trí	Độ bền vững	Thời gian khai thác	Tổng điểm	Mức độ
12	12	6	6	4	100	Rất TL
Đánh giá hiện trạng khai thác của điểm DLST VQG Cúc Phương						
CSHT, CSVCKT		Hiệu quả Quản lý	Hiệu quả kinh tế	Tổng điểm	Mức độ	
9		6	3	42	Khá Tốt	

Tuy nhiên, hoạt động của VQG đã quá tập trung vào việc phát triển du lịch và phục vụ dân sinh dẫn đến một số khoảnh rừng bị phát quang và làm thay đổi chế độ thủy văn của vùng.

Về hiện trạng phát triển, VQG có hệ thống giao thông tương đối thuận lợi, nhà nghỉ có kiến trúc hài hoà với cảnh quan thiên nhiên, các bagalow được thiết kế thân thiện với môi trường và sử dụng năng lượng xanh; có nhiều công trình phục vụ vui chơi giải trí với các dịch vụ nghỉ dưỡng xuất phát từ thiên nhiên như tắm bùn, xông hơi bằng lá cây thuốc trong rừng... Bộ máy tổ chức quản lý tương đối hoàn thiện; được Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý: Đơn vị Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới; Huân chương Độc lập hạng nhì vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác bảo tồn thiên nhiên. Theo số liệu báo cáo của Trung tâm DLST & Giáo dục môi trường VQG Cúc Phương, số lượng khách đến VQG giai đoạn 2007 - 2011 khoảng 81,2 nghìn lượt khách/năm; lượng khách quốc tế đáng kể

đến tham quan (chiếm khoảng 10 - 15%). Cũng trong giai đoạn này, doanh thu tăng 3,12 – 4,04 tỷ đồng, tổng lợi nhuận đạt ở mức cao: 2,52 tỷ, tỉ số lợi nhuận trung bình là 1,4.

Kết quả tổng hợp các tiêu chí đánh giá điểm DLST VQG Cúc Phương như bảng 11.

Qua bảng tổng hợp, VQG Cúc Phương có tiềm năng rất lớn để phát triển DLST. Hiện tại, đây cũng là một trong những VQG khai thác hiệu quả các hoạt động DLST nhất ở Việt Nam. Tuy nhiên, hiện trạng phát triển của VQG Cúc Phương vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. VQG có sức chứa lớn nhưng do lượng khách tham quan ngày càng tăng, chủ yếu trên những tuyến cố định có sự tập trung về thời gian nên dẫn đến hiện một số hiện tượng gây quá tải với môi trường. Hạn chế này do công tác quản lý ở VQG chưa kết hợp tốt giữa bảo tồn và phát triển DLST. Bên cạnh đó, do nhu cầu phục vụ lượng khách tăng nhanh tại VQG đã xuất hiện hiện tượng xây dựng CSVCKT và CSHT chưa thật hài

hòa với thiên nhiên, nhất là khi đường mòn Hồ Chí Minh có đoạn đi qua, cắt ngang VQG Cúc Phương đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc bảo tồn HST và tính ĐDSH của Vườn. Mức độ tham gia trực tiếp của người dân địa phương trong việc khai thác hoạt động DLST còn chưa được quan tâm đúng mức nên cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc nâng cao hiệu quả kinh tế và hạn chế trong các hoạt động hỗ trợ cộng đồng vì mục tiêu phát triển bền vững.

Kết luận

Bài viết đã đưa ra hệ thống các tiêu chí đánh giá điểm DLST trên hai mặt giá trị tài nguyên và hiệu quả khai thác nhằm giúp các nhà kinh doanh, giúp các nhà kinh doanh, hoạch định chính sách, các cơ quan quản lý DLST nhận thức “đúng” giá trị tiềm năng của các điểm DLST và mối tương quan thuận

- nghịch với khả năng, hiện trạng phát triển để kịp thời hoạch định “trúng” các chiến lược phát triển hợp lý và tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển điểm DLST. Bằng phương pháp thu thập, phân tích số/dữ liệu, phương pháp khảo sát thực tế và phương pháp thang điểm tổng hợp bài viết đã xây dựng được hệ thống các tiêu chí đánh giá điểm DLST tại các VQG ở Việt Nam; đặc biệt đánh giá được bức tranh tương phản giữa giá trị tiềm năng phát triển DLST ở các VQG Cúc Phương với hiện trạng khai thác hoạt động DLST ở VQG này. Đây sẽ là cơ sở để bài viết tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu tiếp theo với mục tiêu xây dựng các giải pháp phát triển DLST ở VQG Cúc Phương tương xứng với tiềm năng và lợi thế. □

Chú thích:

1. Năm 1962 lâm trường Cúc Phương được thành lập theo quyết định 72-TTg của Thủ tướng chính phủ, Cúc Phương trở thành đơn vị bảo tồn thiên nhiên (BTTN) đầu tiên của Việt Nam. Năm 1966 theo Quyết định số 18/QĐ-LN chuyển hạng lâm trường Cúc Phương thành VQG Cúc Phương.

2. Theo *Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên (IUCN)*.

Tài liệu tham khảo:

1. BOO, E. (1990), *Ecotourism: The Potentials and Pitfalls, World Wildlife Fund, Wash. D.C.*
2. Butler (1980), *Learning to Live with Tourism* .
3. Ceballos – Lascurain, H (1991), *Tourism, ecotourism and protected areas*.
4. David Fennell (2008), *Ecotourism*, Third edition first published.
5. Department of Environmental Studies (2002), “*Defining, measuring and evaluating Carrying Capacity in European Tourism Destinations*”, University of the AEGEAN.
6. Edgar M. Hoover và Frank Giarratari (1999), *An Introduction to Regional Economics*. West Virginia University.
7. LINDBERG, Kreg and HAWKINS, D.E (1993), *Ecotourism: A guide for Planner & Managers, The Ecotourism Society edition*, 173 p.
8. TS. Đỗ Thị Thanh Hoa (2007), *Nghiên cứu đề xuất tiêu chí khu du lịch sinh thái ở Việt Nam*, đề tài cấp Bộ.
9. Phạm Trung Lương (2002), *DLST - những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Mạnh và nnk (2006), *Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái ở Ninh Bình*, Đề tài cấp bộ.
11. Nguyễn Văn Mạnh và Lê Trung Kiên (2005), *DLST và kinh doanh sản phẩm DLST tại các VQG và KBTTN của Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, No 4.
12. Lê Văn Minh (2008), *Du lịch sinh thái - tiềm năng và thế mạnh của du lịch Việt Nam*.
13. Nguyễn Thị Sơn (2000), *Cơ sở khoa học cho việc định hướng phát triển DLST ở VQG Cúc Phương*, Luận án Tiến sĩ, 2000.
14. Viện Nghiên cứu phát triển du lịch (1996), *Cơ sở cho việc xây dựng các tuyến, điểm du lịch*, Hà Nội.
15. WEARING, Stephen and NEIL, John (1999), *Ecotourism: Impacts, Potentials and Possibilities*, Butterworth Heinemann edition, 163p.